TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Luyện

Ông Hoàng Văn Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hường

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hợi - Kiểm sát viên.

Ngày *19* tháng *11* năm *2019* tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số *220/2019*/TLST-*HNGĐ* ngày *09* tháng 9 năm *2019* về *ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số *124/2019*/QĐXXST-HNGĐ ngày *01* tháng *11* năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th - sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 01, xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký tạm trú: ngõ T, đường K, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

- *Bị đơn:* Anh Đặng Hữu T - sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm 01, xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người giám hộ của bị đơn: Chị Đặng Thị HY - sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm 1, xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 25/7/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn anh Đặng Hữu T đăng ký kết hôn ngày 27/11/1999 tại UBND xã V, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc đến khoảng năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Anh T làm công nhân xây dựng trong quá trình làm việc không may gặp tai nạn gây tổn thương hệ thần kinh trên đầu. Từ đó cuộc sống vợ chồng và gia đình bị đảo lộn. Anh T không làm chủ được bản thân, thường có những hành động mất kiểm soát gây nguy hiểm cho mọi người xung quanh. Việc chữa trị không hiệu quả và bệnh ngày càng nặng thêm. Do điều kiện kinh tế ngày một khó khăn, hơn nữa để đảm bảo an toàn cho tính mạng, sức khỏe của mẹ con, đến khoảng năm 2009, chị Th đưa con chung Đặng Hữu Th1 ra Hà Nội sống. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Th yêu cầu Toà án giải quyết:

- Ly hôn bị đơn anh Đặng Hữu T;

- Con chung: có 02 con chung là Đặng Hữu Th2, sinh ngày 21/11/2003; Đặng Hữu Th1, sinh ngày 06/4/2006. Hiện tại, cháu Th2 đang sống với anh T còn cháu Th1 đang sống với chị Th. Chị Th có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung nhưng vì cháu Th2 mong muốn được tiếp tục ở cùng chăm sóc bố nên chị Th đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị nuôi cháu Th1 và giao cháu Th2 cho anh T nuôi. Hiện, chị Th đang làm công nhân cho công ty may, thu nhập ổn định mỗi tháng 10.000.000 đồng nên đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Th chấp nhận cấp dưỡng khó khăn sau ly hôn cho anh T mỗi tháng 750.000 đồng như đề nghị của cháu Th2.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Đặng Hữu T do mắc bệnh tâm thần; gia đình thống nhất cử chị Đặng Thị HY làm người giám hộ cho anh T. Cháu Đặng Hữu Th2 cũng đề nghị Tòa án cho chị HY thực hiện việc giám hộ cho cháu.

Chị HY trình bày: anh T mắc bệnh tâm thần, không làm chủ được hành vi và hiện đang được hưởng trợ cấp dành cho người khuyết tật 405.000 đồng/tháng. Anh T và chị Th đã ly thân từ năm 2009 nên việc ly hôn là cần thiết để bảo vệ quyền lợi cho cả hai bên.

- Con chung: anh T và chị Th có 02 con chung là Đặng Hữu Th2, sinh ngày 21/11/2003; Đặng Hữu Th1, sinh ngày 06/4/2006. Cháu Th2 đang sống với anh T còn cháu Th1 đang sống với chị Th. Kể từ khi chị Th bỏ đi và mang theo cả cháu Th1 đi, chị Th không quan tâm đến cuộc sống của anh T và bỏ mặc anh T và cháu Th2 cho bố mẹ đẻ anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Cuộc sống rất khó

khăn. Chị HY đồng ý việc giao cháu Th1 cho chị Th nuôi và đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của cháu Th2 để cháu tiếp tục sống cùng với bố.

Nay cả bố mẹ đẻ của anh T đều đã già yếu, bệnh tật khiến không đi lại được, không có khả năng chăm sóc anh T và cháu Th2 được nữa; số tiền lương hàng tháng chỉ có 3.000.000 đồng không đủ khả năng trang trải cuộc sống cho cả 4 người trong đó có người mắc bệnh tâm tâm thần. Vợ chồng chị HY cũng phải thường xuyên hỗ trợ việc chăm sóc, nuôi dưỡng bố con anh T; chị HY cũng không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi cháu Th2. Tuy nhiên, chị đồng ý với nguyện vọng của cháu Th2 là yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng khó khăn khi ly hôn cho anh T mỗi tháng 750.000 đồng kể từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu Th2 đủ 22 tuổi.

- Về tài sản chung: Trước đây, vợ chồng anh T – chị Th có một số vàng và tiền mặt chị Th cất giữ, Tuy nhiên, quá trình bỏ đi chị Th đã tiêu hết và không thừa nhận nên chị HY cũng không có yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng anh T, chị Th không nợ cá nhân, tổ chức nào và chị HY không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa cũng như quá trình giải quyết vụ án, cháu Đặng Hữu Th2 có nguyện vọng được ở với bố để có điều kiện hỗ trợ chăm sóc bố trong cuộc sống. Cháu Th2 từ chối nhận cấp dưỡng của mẹ nhưng yêu cầu mẹ có trách nhiệm cấp dưỡng khó khăn cho bố mỗi tháng 750.000 đồng kể từ tháng 11/2019 đến khi cháu đủ 22 tuổi có thể tự kiếm tiền nuôi bố.

Cháu Đặng Hữu Th1 có nguyện vọng được ở với mẹ để có điều kiện được học tập và sinh hoạt tốt hơn.

Quá trình xác minh tại UBND xã T, UBND xã T đã cung cấp thông tin với nội dung đúng như lời khai của chị Th về thời gian và điều kiện kết hôn, về tình trạng bệnh của anh T. Phía chính quyền xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83, 115; 116 Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho chị

Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Đặng Hữu T; giao con chung Đặng Hữu Th1 cho chị Th trực tiếp nuôi, giao con chung Đặng Hữu Th2 cho anh T trực tiếp nuôi, không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung; không giải quyết tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chị Th cấp dưỡng khó khăn khi ly hôn cho anh T mỗi tháng 750.000 đồng kể từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu Th2 đủ khả năng nuôi bố. Chị Th phải chịu án phí theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] . Về tố tụng:

Đây là vụ án có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của UBND xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo Bệnh án tâm thần, Sổ điều trị ngoại trú tâm thần và lời trình bày của các đương sự thì anh Đặng Hữu T là người mắc bệnh tâm thần, không thể nhận thức và làm chủ hành vi nhưng không đương sự nào yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T là người bị mất năng lực hành vi dân sự. Vì vậy, tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử không buộc xác định anh T là người bị mất năng lực hành vi dân sự. Tuy nhiên, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho những người yếu thế trong xã hội, việc giám hộ cho anh T là cần thiết và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bố mẹ đẻ anh T là ông Đặng Hữu A – bà Nguyễn Thị L là người giám hộ đương nhiên theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, ông bà nay tuổi đã quá cao, không đi lại được, không có điều kiện chăm sóc anh T cũng như giám hộ cho anh T trong cuộc sống thực tại được nên đã có Văn bản thỏa thuận có xác thực của UBND xã T, giao cho chị Đặng Thị HY (là em của anh T) làm người giám hộ của anh T khi tham gia trong quá trình giải quyết vụ án. Bản thân chị HY có đủ điều kiện tại Điều 49 Bộ luật dân sự, do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận chị HY là người giám hộ của anh T trong vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét chị Nguyễn Thị Th và anh Đặng Hữu T đăng ký kết hôn ngày 27/11/1999 tại UBND xã V, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Chị Th và người giám hộ của anh T đều thống nhất về tình trạng bệnh lý tâm thần của anh T dẫn đến việc anh T mất khả năng nhận thức, không thể lao động và sinh hoạt bình thường được. Anh T đã không còn khả năng làm chồng để duy trì cuộc sống gia đình hạnh phúc nên vợ chồng ly thân từ năm 2009 đến nay.

Hội đồng xét xử thấy: quyền mưu cầu hạnh phúc là quyền cơ bản của con người, được Nhà nước và xã hội bảo vệ. Cuộc sống hôn nhân với người mất năng lực hành vi không mang lại hạnh phúc cho chị Th nên chị Th có quyền ly hôn để xây dựng hạnh phúc mới. Đây là lẽ công bằng mà pháp luật cũng như đạo đức xã hội thừa nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định, hôn nhân giữa anh T – chị Th đã không đạt được mục đích, không thể kéo dài đời sống chung vợ chồng nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Đặng Hữu T.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung là Đặng Hữu Th2, sinh ngày 21/11/2003; Đặng Hữu Th1, sinh ngày 06/4/2006. Con chung Đặng Hữu Th2 đang ở với anh T, con chung Đặng Hữu Th1 đang ở với chị Th.

Các đương sự đã thống nhất được với nhau về việc chị Th được nuôi cháu Th1 còn cháu Th2 tiếp tục sống cùng bố là anh T để thực hiện việc chăm sóc bố theo nguyện vọng. Cháu Th2 mới 16 tuổi 11 tháng 28 ngày (gần tròn 17 tuổi), lẽ ra, cần phải giao cho bố/mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nhưng trên thực tế, từ năm 2009 đến nay, cháu không được mẹ (chị Th) nuôi dưỡng còn bố (anh T) mất năng lực hành vi dân sự cũng không có khả năng nuôi dưỡng. Cháu Th2 sống nhờ vào sự chăm sóc trực tiếp của ông bà nội cũng như người thân thích khác và đã độc lập thể hiện chính kiến của mình là được ở cùng để chăm sóc cho bố. Hội đồng xét xử thấy: yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ là quyền và nghĩa vụ của con cái nên nguyện vọng của cháu Th2 hoàn toàn chính đáng, phù hợp với đạo lý cũng như thực tiễn sức khỏe của anh T. Vì vậy, cần chấp nhận giao cháu Th1 cho chị Th nuôi và chấp nhận nguyện vọng của cháu Th2 được tiếp tục sống cùng với bố Đặng Hữu T.

Các đương sự không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Đối với yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn.

Các đương sự thống nhất với nhau chị Th cấp dưỡng khó khăn khi ly hôn cho anh T với mức 750.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu Th2 đủ 22 tuổi (độ tuổi đủ khả năng tự lao động kiếm sống và nuôi dưỡng bố). Xét sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[2.4].Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: các đương sự không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 115, 116 Luật hôn nhân và gia đình

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

- Cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Đặng Hữu T.

- Về con chung: giao con chung Đặng Hữu Th1, sinh ngày 06/4/2006 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi;

Chấp nhận nguyện vọng của cháu Đặng Hữu Th2, sinh ngày 21/11/2003 được tiếp tục sống cùng với bố Đặng Hữu T.

Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng khi ly hôn: chị Nguyễn Thị Th phải cấp dưỡng khó khăn cho anh Đặng Hữu T 750.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu Đặng Hữu Th2 đủ 22 tuổi (ngày 21/11/2025).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: không giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005066 ngày 19/3/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành. Chị Th còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn, người giám hộ của bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã V;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Thể